

# TRẮC NGHIỆM CƠ SỞ DỮ LIỆU

1) Phép chọn được thực hiện trong mệnh đề nào?

- A. GROUP BY HAVING
- B. WHERE
- C. SELECT
- D. FROM

2) Để nhóm dữ liệu ta sử dụng mệnh đề nào?

- A. SELECT
- B. FROM
- C. WHERE
- D. GROUP BY

3) Câu lệnh nào được dùng để tính tổng số dòng trong bảng NHANVIEN?

- A. Select rowcount from NHANVIEN
- B. Select sum(\*) from NHANVIEN
- C. Select count(\*) from NHANVIEN
- D. Select count\_rows from NHANVIEN

4) Giả sử bảng KHACHHANG chưa có mẫu tin MAKH với giá trị 10, dùng câu lệnh nào sau đây để thêm mẫu tin này với các giá trị tương ứng cho 6 cột?

- A. INSERT INTO KHACHHANG VALUES ('KH010','Lan', 'Truong Thi','TP.HCM', 'TP.HCM', 'VietNam')
- B. INSERT INTO KHACHHANG (MAKH, TENKH, HOKH, City, Country) VALUES ('KH010','Lan', 'Truong Thi','TP.HCM', 'TP.HCM', 'VietNam')
- C. INSERT INTO KHACHHANG VALUE ('KH010','Lan', 'Truong Thi','TP.HCM', 'TP.HCM', 'VietNam')
- D. INSERT INTO KHACHHANG ('KH010','Lan', 'Truong Thi','TP.HCM', 'TP.HCM', 'VietNam')

5) Để chọn tất cả các cột và liệt kê tất cả các hàng từ bảng VATTU có thuộc tính LOAI VT (kiểu số) bằng 1, ta dùng câu lệnh nào sau đây là đúng nhất?

- A. SELECT \* FROM VATTU WHERE LOAI VT = 1
- B. SELECT \* FROM VATTU WHERE GroupID = "1"
- C. SELECT LOAI VT FROM VATTU WHERE LOAI VT = 1
- D. SELECT LOAI VT FROM VATTU WHERE LOAI VT = "1"

6) Chúng ta muốn liệt kê tất cả các hàng trong bảng KHACHHANG nhưng chỉ lấy giá trị của 2 cột TENKH và cột HOKH (không có các hàng trùng nhau), dùng câu lệnh nào sau đây?

- A. SELECT DISTINCT TENKH, HOKH FROM KHACHHANG
- B. SELECT ALL TENKH, HOKH FROM KHACHHANG
- C. SELECT TENKH, HOKH FROM KHACHHANG
- D. SELECT TENKH.\*, HOKH .\* FROM KHACHHANG

7) Bảng KHACHHANG có dòng với MAKH = 10 và LOAIKH = 2.

Để thiết lập LOAIKH của dòng này bằng 1, chúng ta dùng câu lệnh:

- A. UPDATE KHACHHANG SET LOAIKH=1 WHERE MAKH=10
- B. UPDATE KHACHHANG SET LOAIKH="1" WHERE MAKH="10"
- C. UPDATE KHACHHANG SET LOAIKH="1" WHERE MAKH=10
- D. UPDATE KHACHHANG SET LOAIKH=1 WHERE MAKH="10"

8) Câu lệnh nào sau đây dùng để chọn trong bảng KHACHHANG tất cả các hàng có cột HOKH là 'Nguyễn' và cột QUOCTICH là 'VietNam'?

- A. SELECT TOP ALL FROM KHACHHANG WHERE HOKH=N'Nguyễn' AND QUOCTICH='VietNam'
- B. SELECT ALL FROM KHACHHANG WHERE HOKH=N'Nguyễn' AND QUOCTICH='VietNam'
- C. SELECT \*.\* FROM KHACHHANG WHERE HOKH=N'Nguyễn' AND QUOCTICH='VietNam'
- D. SELECT \* FROM KHACHHANG WHERE HOKH=N'Nguyễn' AND QUOCTICH='VietNam'

9) Câu lệnh nào dùng để chọn trong bảng KHACHHANG tất cả giá trị các hàng và cột với HOLOT là 'Nguyễn' HOẶC cột DIACHI là 'TP.HCM'?

- A. SELECT HOLOT.\*, State.\* FROM KHACHHANG WHERE HOLOT = N'Nguyễn' OR DIACHI='TP.HCM'
- B. SELECT \*.\* FROM KHACHHANG WHERE HOLOT = N'Nguyễn' OR DIACHI='TP.HCM'
- C. SELECT \* FROM KHACHHANG WHERE HOLOT = N'Nguyễn' OR DIACHI='TP.HCM'
- D. SELECT ALL FROM KHACHHANG WHERE HOLOT = N'Nguyễn' OR DIACHI='TP.HCM'

10) Câu lệnh nào dùng để xóa trong bảng KHACHHANG các khách hàng có cột TEN là 'Lan' và cột DIACHI là 'TP.HCM'?

- A. DELETE \* FROM KHACHHANG WHERE TEN='Lan' AND DIACHI='TP.HCM'
- B. DELETE ALL FROM KHACHHANG WHERE TEN='Lan' AND DIACHI='TP.HCM'
- C. DELETE \*.\* FROM KHACHHANG WHERE TEN='Lan' AND DIACHI='TP.HCM'
- D. DELETE FROM KHACHHANG WHERE TEN='Lan' AND DIACHI='TP.HCM'

11) Câu lệnh nào sẽ trả về từ bảng BÁNH các mặt hàng có TÊN là 'Chocolate' hoặc 'Chocopie'?

- A. Select \* from BÁNH where TÊN LIKE 'Choco\*'
- B. Select from BÁNH where TÊN = 'Choco%'
- C. Select \* from BÁNH where TÊN LIKE 'Choco%'
- D. Select \* from BÁNH where TÊN LIKE '%Choco?'

12) Cho bảng NHANVIEN(MANV, TENNV, LCB). Muốn kiểm tra xem tiền lương của tất cả nhân viên trong trường hợp lương cơ bản tăng 10%, chúng ta sẽ dùng câu lệnh nào dưới đây?

- A. Select MANV, TENNV, LCB\*.10 from NHANVIEN

- B. Select MANV, TENNV, LCB+LCB\*.01 from NHANVIEN
- C. Select MANV, TENNV, LCB+10 from NHANVIEN
- D. Select MANV, TENNV, LCB+LCB\*.10 from NHANVIEN

13) Chỉ ra câu lệnh đồng loạt tăng giá sách (Book\_Price) lên 10% trong bảng BookDetail?

- A. UPDATE BookDetails SET Book\_Price\*10/100
- B. UPDATE BookDetails SET Book\_Price=Book\_Price\*10/100
- C. UPDATE Book\_Price=Book\_Price+Book\_Price\*10/100 FROM BookDetails
- D. UPDATE BookDetails SET Book\_Price=Book\_Price+Book\_Price\*10/100

14) Trong bảng BIENLAI, để xem thông tin trong khoảng từ 10/02/2011 đến 20/02/2011, ta dùng câu lệnh nào dưới đây:

- A. SELECT \* FROM BIENLAI WHERE NGAY\_DK BETWEEN '10/02/2011' or '20/02/2011'
- B. SELECT \* FROM BIENLAI WHERE NGAY\_DK BETWEEN '10/02/2011' AND '20/02/2011'
- C. SELECT \* FROM BIENLAI WHERE NGAY\_DK NOT BETWEEN '10/02/2011' AND '20/02/2011'
- D. SELECT \* FROM BIENLAI WHERE '10/02/2011' <= NGAY\_DK <= '20/02/2011'

15) Trong bảng NHANVIEN(MANV, TENNV, PHONG, MUCLUONG), câu lệnh nào dưới đây trả về tên của nhân viên có mức lương cao nhất?

- A. SELECT TENNV, PHONG, MUCLUONG FROM NHANVIEN WHERE MUCLUONG = (Select Max(MUCLUONG) from NHANVIEN GROUP BY PHONG)
- B. SELECT TENNV, PHONG, MUCLUONG FROM NHANVIEN WHERE MUCLUONG In (Select Max(MUCLUONG) from NHANVIEN GROUP BY PHONG HAVING Max(MUCLUONG))
- C. SELECT TENNV, PHONG, MUCLUONG FROM NHANVIEN WHERE MUCLUONG In (Select Max(MUCLUONG) from NHANVIEN)
- D. SELECT TENNV, PHONG, MUCLUONG FROM NHANVIEN WHERE MUCLUONG In (Select MUCLUONG from NHANVIEN GROUP BY PHONG)

16) Cho bảng NHANVIEN(MANV, TENNV, PHONG, MUCLUONG). Câu lệnh nào dưới đây trả về số lượng nhân viên trong một công ty?

- A. Select count(MANV) from NHANVIEN
- B. Select sum(MANV) from NHANVIEN
- C. Select max(MANV) from NHANVIEN
- D. Select MANV from NHANVIEN where count(MANV) >0

17) Update NHANVIEN set MUCLUONG = MUCLUONG + (MUCLUONG \* 0.2) where MUCLUONG between 2000 and 4000. Câu lệnh trên sẽ thực hiện công việc gì?

- A. Câu truy vấn sẽ tăng 20% MUCLUONG cho các nhân viên có MUCLUONG > 2000 và < 4000.

- B. Câu truy vấn sẽ tăng 20% MUCLUONG cho các nhân viên có MUCLUONG  $\geq 2000$  và  $\leq 4000$ .
- C. Câu truy vấn sẽ tăng 20% MUCLUONG cho các nhân viên có MUCLUONG  $< 2000$  và  $> 4000$ .
- D. Câu truy vấn không thực hiện việc gì cả.

18) Câu lệnh nào sau đây dùng để xem các mẫu tin về khách hàng đã có số điện thoại liên lạc?

- A. SELECT \* from KHACHHANG where DIENTHOAI IS NOT NULL
- B. SELECT \* from KHACHHANG where DIENTHOAI = NOT NULL
- C. SELECT \* from KHACHHANG where DIENTHOAI NOT NULL
- D. SELECT \* from KHACHHANG where HAVING DIENTHOAI NOT NULL

19) Chọn câu lệnh để hiển thị tên của NHANVIEN thuộc phòng máy tính (Computer) có lương cao hơn 5000?

- A. Select TENNV from NHANVIEN where PHONG = 'Computer' and LUONG > 5000
- B. Select TENNV from NHANVIEN where PHONG = 'Computer' or LUONG > 5000
- C. Select \* from NHANVIEN where PHONG like 'C%' or LUONG like > 5000
- D. Select \* from NHANVIEN where LUONG > 5000

20) Cho lược đồ cơ sở dữ liệu sau:

SINHVIEN(MaSV, TenSV, Phai, NgaySinh, DiaChi, DienThoai, MaLop)

LOP(MaLop, TenLop, MaKhoa)

KETQUA(MaSV, MaMH, LanThi, Diem)

MONHOC(MaMH, TenMH, SoTinChi)

Cho biết kết quả của câu truy vấn sau:

Select K.MaSV, TenSV, Avg(Diem) as DiemTB

From KETQUA K, SINHVIEN S

Where K.MaSV= S.MASV

Group by K.MaSV, TenSV

Order By Avg(Diem) Desc

- A. Những sinh viên có điểm trung bình (DiemTB) lớn nhất.
- B. Điểm trung bình của từng sinh viên.
- C. Điểm trung bình được sắp xếp tăng dần của từng sinh viên.
- D. Điểm trung bình được sắp xếp giảm dần của từng sinh viên.

21) Cho lược đồ cơ sở dữ liệu sau:

SINHVIEN(MaSV, TenSV, Phai, NgaySinh, DiaChi, DienThoai, MaLop)

LOP(MaLop, TenLop, MaKhoa)

KETQUA(MaSV, MaMH, LanThi, Diem)

MONHOC(MaMH, TenMH, SoTinChi)

Thống kê sĩ số thực trên từng lớp gồm 3 cột sau: MaLop, TenLop và SĩSo.

A. Select S.Malop, TenLop, Sum(MaSV) as SĩSo

From Lop L, SinhVien S

Group by S.Malop, TenLop

B. Select S.Malop, TenLop, Sum(MaSV) as SĩSo

From Lop L, SinhVien S  
 Where L.MaLop=S.MaLop  
 Group by S.MaLop,TenLop  
 C. Select S.MaLop,TenLop, Count(MaSV) as SiSo  
 From Lop L, SinhVien S  
 Where L.MaLop=S.MaLop  
 Group by S.MaLop,TenLop  
 D. Select S.MaLop,TenLop, Count(SinhVien) as SiSo  
 From Lop L, SinhVien S  
 Where L.MaLop=S.MaLop  
 Group by S.MaLop,TenLop

22) Cho lược đồ cơ sở dữ liệu sau:

SINHVIEN(MaSV, TenSV, Phai, NgaySinh, DiaChi, DienThoai, MaLop)

LOP(MaLop, TenLop, MaKhoa)

KETQUA(MaSV, MaMH, LanThi, Diem)

MONHOC(MaMH, TenMH, SoTinChi)

Cho biết ý nghĩa của câu truy vấn SQL sau:

SELECT TenSV, MaMH

FROM SinhVien S, Ketqua K

WHERE S.MaSV = K.MaSV and Diem is NULL.

- A. Câu truy vấn trên không hợp lệ.
- B. Nếu sinh viên nào bị trùng tên thì không in ra kết quả.
- C. Liệt kê danh sách các sinh viên cùng với mã môn học mà sinh viên đó chưa có điểm.
- D. Liệt kê danh sách các sinh viên chưa có điểm thi một môn học nào đó.

23) Cho lược đồ cơ sở dữ liệu sau:

SINHVIEN(MaSV, TenSV, Phai, NgaySinh, DiaChi, DienThoai, MaLop)

LOP(MaLop, TenLop, MaKhoa)

KETQUA(MaSV, MaMH, LanThi, Diem)

MONHOC(MaMH, TenMH, SoTinChi)

Liệt kê những môn học mà sinh viên chưa đăng ký?

- A. Select \* from MonHoc  
Where MaMH not in (Select MaMH from KetQua)
- B. Select \* from MonHoc  
Where MaMH not Exists (Select MaMH from KetQua)
- C. Select \* from MonHoc M  
Where MaMH not Exists (Select MaMH from KetQua K where M.MaMH=K.MaMH)
- D. Select \* from MonHoc M inner join KetQua K  
on M.MaMH=K.MaMH where K.MaMH is NULL

24) Cho lược đồ cơ sở dữ liệu sau:

SINHVIEN(MaSV, TenSV, Phai, NgaySinh, DiaChi, DienThoai, MaLop)

LOP(MaLop, TenLop, MaKhoa)

KETQUA(MaSV, MaMH, LanThi, Diem)

MONHOC(MaMH, TenMH, SoTinChi)

Cập nhật lại điểm thi môn học có mã số là 'CSDL' của sinh viên có mã sinh viên là '052456' là 9 điểm.

A. Update SinhVien Set KetQua.Diem=9

Where MaSV='052456' and MonHoc.MaMH='CSDL'

B. Update MonHoc Set KetQua.Diem=9

Where MaSV='052456' and MaMH='CSDL'

C. Update KetQua Set Diem=9

Where MaSV='052456' and MaMH='CSDL'

D. Update MonHoc Set KetQua.Diem=9

Where SinhVien.MaSV='052456' and MonHoc.MaMH='CSDL'

25) Cho lược đồ cơ sở dữ liệu sau:

SINHVIEN(MaSV, TenSV, Phai, NgaySinh, DiaChi, DienThoai, MaLop)

LOP(MaLop, TenLop, MaKhoa)

KETQUA(MaSV, MaMH, LanThi, Diem)

MONHOC(MaMH, TenMH, SoTinChi)

Câu lệnh nào sau đây dùng để xóa tất cả những lớp không có sinh viên?

A. Delete from LOP

B. Delete \* from LOP where MaLop not in (select MaLop from SINHVIEN)

C. Delete from LOP where MaLop not in (select MaLop from SINHVIEN)

D. Delete from LOP where MaLop not exists (select MaLop from SINHVIEN)

26) Cho lược đồ cơ sở dữ liệu sau:

SINHVIEN(MaSV, TenSV, Phai, NgaySinh, DiaChi, DienThoai, MaLop)

LOP(MaLop, TenLop, MaKhoa)

KETQUA(MaSV, MaMH, LanThi, Diem)

MONHOC(MaMH, TenMH, SoTinChi)

Cập nhật lại số tín chỉ là 5 cho môn học có tên môn học là 'Cơ sở dữ liệu'.

A. Update MONHOC Set SoTinChi = 5

Where TenMH like N'Cơ sở dữ liệu'

B. Update MONHOC Set SoTinChi = 5

Where TenMH = 'Cơ sở dữ liệu'

C. Update SoTinChi = 5

Where MAMH = N'Cơ sở dữ liệu'

D. Update SoTinChi = 5 From MONHOC

Where MAMH = N'Cơ sở dữ liệu'

27) Cho lược đồ cơ sở dữ liệu sau:

SINHVIEN(MaSV, TenSV, Phai, NgaySinh, DiaChi, DienThoai, MaLop)

LOP(MaLop, TenLop, MaKhoa)

KETQUA(MaSV, MaMH, LanThi, Diem)

MONHOC(MaMH, TenMH, SoTinChi)

Danh sách những sinh viên đăng ký trên 3 môn học. Thông tin gồm MaSV, TenSV.

A. Select S.MaSV, TenSV

From SINHVIEN S, KETQUA K  
 Where S.MaSV = K.MaSV  
 Group by S.MaSV, TenSV  
 Having Count(Distinct K.MaMH) > 3  
 B. Select S.MaSV, TenSV  
 From SINHVIEN S, KETQUA K  
 Where S.MaSV = K.MaSV  
 Group by S.MaSV, TenSV  
 Having Count(K.MaMH) > 3  
 C. Select S.MaSV, TenSV  
 From SINHVIEN S, KETQUA K  
 Where S.MaSV = K.MaSV  
 And Count(K.MaMH) > 3  
 Group by S.MaSV, TenSV  
 D. Select S.MaSV, TenSV  
 From SINHVIEN S, KETQUA K  
 Where S.MaSV = K.MaSV  
 And Count(Distinct K.MaMH) > 3  
 Group by S.MaSV, TenSV

28) Cho lược đồ cơ sở dữ liệu sau:

SINHVIEN(MaSV, TenSV, Phai, NgaySinh, DiaChi, ChuyenNganh, MaLop)  
 LOP(MaLop, TenLop, MaKhoa)  
 KETQUA(MaSV, MaMH, LanThi, Diem)  
 MONHOC(MaMH, TenMH, SoTinChi)

Liệt kê danh sách các sinh viên không thuộc chuyên ngành CNTT?

A. Select \* from SINHVIEN having ChuyenNganh <> 'CNTT'  
 B. Select \* from SINHVIEN  
 group by ChuyenNganh  
 having ChuyenNganh <> 'CNTT'  
 C. Select \* from SINHVIEN  
 where MaSV NOT IN (Select MaSV from SINHVIEN  
 where ChuyenNganh <> 'CNTT')  
 D. Select \* from SINHVIEN  
 where MaSV NOT IN (Select MaSV from SINHVIEN  
 where ChuyenNganh = 'CNTT')

29) Cho lược đồ cơ sở dữ liệu sau:

NhaCungCap(MaNCC, TenNCC, ThanhPho)  
 HangHoa(MaHang, TenHang, MauSac, DonGia)  
 CungUng(MaNCC, MaHang, Lan, SoLuong)

Hãy viết câu truy vấn để tính tổng số lượng của từng sản phẩm đã được cung ứng. Thông tin hiển thị: MaHang, TongSL.

A. Select MaHang, sum(SoLuong) as TongSL  
 From CungUng Group By MaHang

B. Select MaNCC, MaHang, sum(SoLuong) as TongSL  
From HangHoa H, CungUng C  
Where H.MaHang = C.MaHang  
Group by MaNCC, MaHang  
C. Select MaHang, SoLuong From CungUng  
D. Select sum(SoLuong) From CungUng

30) Cho lược đồ cơ sở dữ liệu sau:

NhaCungCap(MaNCC, TenNCC, ThanhPho)

HangHoa(MaHang, TenHang, MauSac, DonGia)

CungUng(MaNCC, MaHang, SoLuong)

Câu truy vấn nào sau đây tương đương với phép chiếu (project) trong đại số quan hệ trên cột MaNCC?

- A. Select MaNCC From CungUng
- B. Select MaNCC From CungUng Order by MaNCC
- C. Select \* From CungUng
- D. Select Distinct MaNCC From CungUng

31) Cho lược đồ cơ sở dữ liệu sau:

NhaCungCap(MaNCC, TenNCC, ThanhPho)

HangHoa(MaHang, TenHang, MauSac, DonGia)

CungUng(MaNCC, MaHang, SoLuong)

Câu truy vấn SQL nào sau đây tương ứng với phép chiếu (project) và phép chọn (selection) trong đại số quan hệ?

- A. Select Distinct MaNCC From CungUng Where SoLuong > 35
- B. Select MaNCC From CungUng
- C. Select \* From CungUng
- D. Select Distinct MaNCC From CungUng

32) Cho lược đồ cơ sở dữ liệu sau:

NhaCungCap(MaNCC, TenNCC, ThanhPho)

HangHoa(MaHang, TenHang, MauSac, DonGia)

CungUng(MaNCC, MaHang, SoLuong)

Cho biết những hàng hóa nào có đơn giá lớn hơn giá trung bình của các hàng hóa.

- A. Select \* From HangHoa  
Where DonGia > Avg(DonGia)
- B. Select \* From HangHoa  
Where DonGia > (Select DonGia from HangHoa)
- C. Select \* From HangHoa  
Where DonGia > (Select Avg(DonGia) from HangHoa)
- D. Select \* From HangHoa  
Where DonGia >= (Select Avg(DonGia) from HangHoa Group by MaHang)

33) Cho lược đồ cơ sở dữ liệu sau:

NhaCungCap(MaNCC, TenNCC, ThanhPho)



HangHoa(MaHang, TenHang, MauSac, DonGia)

CungUng(MaNCC, MaHang, SoLuong)

Liệt kê tất cả các thông tin của các nhà cung cấp ở thành phố 'Cần Thơ', cung ứng những mặt hàng màu 'đỏ'?

A. Select \*

From NhaCungCap N, HangHoa H, CungUng C

Where ThanhPho=N'Cần Thơ' and MauSac=N'đỏ' and N.MaNCC=C.MaNCC and

H.MaHang=C.MaHang

B. Select \*

From NhaCungCap, HangHoa, CungUng

Where ThanhPho=N'Cần Thơ' and MauSac=N'đỏ'

C. Select \*

From NhaCungCap N inner join CungUng C on N.MaNCC=C.MaNCC

And HangHoa H inner join CungUng C on H.MaHang=C.MaHang

Where ThanhPho=N'Cần Thơ' and MauSac=N'đỏ'

D. Select \*

From NhaCungCap, HangHoa, CungUng

Where ThanhPho=N'Cần Thơ' and MauSac <> N'đỏ'

34) Cho lược đồ cơ sở dữ liệu sau:

NhaCungCap(MaNCC, TenNCC, ThanhPho)

HangHoa(MaHang, TenHang, MauSac, DonGia)

CungUng(MaNCC, MaHang, SoLuong)

Hãy chỉ ra phát biểu sai?

A. Giá trị MaNCC hoặc MaHang trong CungUng được phép nhận giá trị NULL.

B. SoLuong trong CungUng luôn có giá trị > 0.

C. Giá trị MaHang trong CungUng được phép lặp lại nhiều lần.

D. MaHang trong HangHoa không được phép có giá trị trùng nhau.

35) Cho loại quan hệ THUEBAO gồm các thuộc tính: K#: mã thuê bao, TB: tên thuê bao, SDT: số điện thoại, DC: địa chỉ. Chọn câu đúng sau đây khi tính tổng số các thuê bao có cùng tên là 'Thành Vinh'?

A. SELECT COUNT(\*) FROM THUEBAO WHERE TB = N' Thành Vinh '

B. SELECT TB, DC FROM THUEBAO WHERE TB = N' Thành Vinh '

C. SELECT \* FROM THUEBAO WHERE TB = N' Thành Vinh '

D. SELECT SUM(TB) FROM THUEBAO WHERE TB = N' Thành Vinh '

1B 2D 3C 5A 6A 7A 10A 11C 12D 14B